

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp của 03 hộ dân có đất thu hồi do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1), khu đất xây dựng nhà máy xử lý nước tại thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 9/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1), thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Văn bản số 2783/UBND-KT ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh về việc xử lý vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1);

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Tờ trình số 55/TTr-TTPTQĐ ngày 27/5/2022 và kết quả thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 494/TTr-STNMT ngày 15/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp của 03 hộ dân có đất thu hồi do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nhà máy nước sạch

Quy Nhơn (giai đoạn 1), khu đất xây dựng nhà máy xử lý nước tại thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%) và phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế (làm tròn) là 981.821.000 đồng (*Chín trăm tám mươi một triệu, tám trăm hai mươi một nghìn đồng chẵn*). Trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 960.686.000 đồng;

- Chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%): 19.213.720 đồng;

(*Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 1.921.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 1.345.000 đồng*).

- Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế: 1.921.372 đồng.

(*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*)

2. Nguồn vốn thực hiện: Công ty TNHH MTV Cấp nước senco Quy Nhơn tạm ứng để chi trả và sẽ hoàn trả lại cho Công ty khi Nhà nước triển khai dự án khác trên phần đất này theo quy hoạch được phê duyệt.

3. Sau khi hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với khu đất nêu trên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bàn giao cho địa phương quản lý và không được tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi phần đất này.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K16, K14.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT NÔNG NGHIỆP CỦA 03 HỘ DÂN CÓ ĐẤT THU HỒI DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH QUY NHƠN (GIAI ĐOẠN 1) TẠI THỊ TRẤN TUY PHƯỚC, HUYỆN TUY PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích (m²)	Bồi thường đất NN	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Số NK hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Ông Trần Văn Nuôi	Khu phố Trung Tín 2, thị Trấn Tuy Phước	495,10	73.274.800	219.824.400	4.212.000	4,00	297.311.200
2	Hộ Nguyễn Thanh Thủy, bà Huỳnh Thị Kim Mai	Khu phố Trung Tín 2, thị Trấn Tuy Phước	222,90	32.989.200	98.967.600	7.371.000	7,00	139.327.800
3	Hộ ông Lê Văn Khá, bà Huỳnh Thị Hòa	Khu phố Trung Tín 2, thị Trấn Tuy Phước	878,10	129.958.800	389.876.400	4.212.000	4,00	524.047.200
I	CỘNG		1.596,10	236.222.800	708.668.400	15.795.000	15,00	960.686.000
II	CHI PHÍ PHỤC VỤ GPMB (I X 2%)							19.213.720
III	CHI PHÍ DỰ PHÒNG TỔ CHỨC CƯỜNG CHẾ (II X 10%)							1.921.372
IV	TỔNG CỘNG (QUY TRÒN): I+ II + III							981.821.000